



## 24G2U5/BK

Everything gamers need: 75 Hz refresh time, 1 ms response time (MPRT) and IPS panel

This is the perfect companion for leisurely gamers with its 75 Hz refresh rate, 1 ms response time (MPRT) and FreeSync. Its IPS display ensures vivid and accurate colours.

### TỔNG QUAN

Tên mẫu	24G2U5/BK
Kênh	Gaming
Dòng sản phẩm	AOC Gaming
Dòng thiết kế	G2
Ngày ra mắt (dự kiến)	15-11-2019

### MÀN HÌNH

Kích thước màn hình (inch)	23,8
Kích thước màn hình (cm)	60,4
Phẳng/Cong	Flat
Độ cứng của màn hình hiển thị	3H
Độ phân giải của bảng điều khiển	1920x1080
Tên độ phân giải	FHD
Tỷ lệ khung hình	16:9
Loại bảng điều khiển	IPS
Loại đèn nền	WLED
Max Tốc độ làm mới	75 Hz
Thời gian phản hồi GtG	4 ms
Thời gian phản hồi MPRT	1 ms
Tỷ lệ tương phản tĩnh	1000:1
Tỷ lệ tương phản động	80M:1
Góc nhìn (CR10)	178/178
Màu sắc màn hình hiển thị	16.7 Million
Brightness in nits	250 cd/m2
Mật độ điểm ảnh (mm)	0,2745

**NGOẠI THẤT**

Loại viền (mặt trước)	3-sided frameless
Màu viền (mặt trước)	Black, Red
Lớp hoàn thiện viền (mặt trước)	Texture
Màu tủ (mặt sau)	Black, Red
Lớp hoàn thiện tủ (mặt sau)	Texture

**CÔNG THÁI HỌC**

Giá treo tường Vesa	100x100
Nghiêng	-5/21,5
Khớp xoay	-30/30
Trục	Yes
Điều chỉnh chiều cao (mm)	130mm

**KẾT NỐI VÀ ĐA PHƯƠNG TIỆN**

HDMI	HDMI 1.4 x 2
Cổng màn hình hiển thị	DisplayPort 1.2 x 1
Bộ chia USB	✓
Tốc độ của bộ chia USB	USB 3.0 (4 USB downstream ports)
Cổng kết nối màn hình và USB	4
Cổng sạc nhanh qua USB	✓
D-SUB (VGA)	1x

**ĐA PHƯƠNG TIỆN**

Loa	✓
Công suất loa	2 W x 2
Micrô tích hợp sẵn	-
Đầu ra âm thanh	Headphone out (3.5mm)

**TÍNH NĂNG**

Công nghệ đồng bộ (VRR)	Freesync
Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh	Low Blue Light
Flicker-Free	Flicker Free
Khóa Kensington	✓
Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1931 %	95

**TÍNH NĂNG CHƠI TRÒ CHƠI**

Phong cách chơi trò chơi	Shooters, MMORPG, Action, RTS, FPS (eSports), Beat'm up
Sự tiện lợi khi chơi trò chơi	G-menu
Phù hợp khi chơi trò chơi trên bảng điều khiển	✓

**QUYỀN LỰC / MÔI TRƯỜNG**

Nguồn cấp điện	Internal
Nguồn điện	100 - 240V 50/60Hz
Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt	0,3
Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt	0,3
Lớp năng lượng	E

**KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM**

Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm	504.61(H) x 539.05(W) x 227.36(D)
Kích thước sản phẩm không bao gồm đế (RxCxS) mm	322.1(H) x 539.05(W) x 47.2(D)
Kích thước đóng gói (RxCxS) mm	492(H) x 605(W) x 184(D)
Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)	6,2
Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg)	4,25

**TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ**

Cáp HDMI	1.8
Cáp nối cổng màn hình hiển thị	1.8

**TUÂN THỦ QUY ĐỊNH**

ISO 9241-307	✓
--------------	---